ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

(Ban hành kèm theo Quyết định số 143 */2026/QĐ-UBND)*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức phối hợp và trách nhiệm của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã); các chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các đơn vị có liên quan tới hoạt động quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Các nội dung về quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp không quy định trong Quy chế này được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp;

b) Các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp;

c) Các cơ quan nhà nước có liên quan đến quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh;

d) Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, đầu tư và hoạt động của cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý

1. Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ và phân công trách nhiệm giữa các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã để nâng cao hiệu quả hoạt động, quản lý cụm công nghiệp theo quy định pháp luật.

2. Việc quản lý, phát triển đối với cụm công nghiệp thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan có liên quan; không chồng chéo nhiệm vụ, không làm giảm vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các cơ quan; đảm bảo kịp thời, nhanh chóng và hiệu quả; bảo đảm cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ.

3. Sở Công Thương là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước đối với công tác quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP về quản lý, phát triển cụm công nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 16 Điều 1 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP; có quyền hạn, trách nhiệm theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

4. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã khi triển khai các nhiệm vụ chuyên môn tại các cụm công nghiệp có trách nhiệm phối hợp, lấy ý kiến tham gia của Sở Công Thương theo đúng quy định và gửi kết quả xử lý đến Sở Công Thương, đảm bảo thống nhất trong hoạt động quản lý nhà nước về cụm công nghiệp.

Điều 3. Hình thức phối hợp quản lý

1. Quá trình thực hiện các nội dung quản lý do một cơ quan chủ trì và một hoặc nhiều cơ quan khác tham gia phối hợp giải quyết công việc thông qua các hình thức: Tổ chức họp lấy ý kiến, phối hợp bằng văn bản; chia sẻ dữ liệu điện tử; sử dụng hệ thống điện tử; tổ chức kiểm tra, khảo sát.

a) Đối với cơ quan chủ trì: Căn cứ vào tính chất, nội dung của công tác quản lý nhà nước, cơ quan chủ trì quyết định áp dụng các hình thức phối hợp phù hợp.

b) Đối với cơ quan phối hợp: Có trách nhiệm góp ý theo lĩnh vực ngành, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được UBND tỉnh giao theo quy định của pháp luật.

2. Các quyết định, văn bản, hướng dẫn, kết quả xử lý, kết luận, kiến nghị liên quan đến quản lý và hoạt động của cụm công nghiệp thì cơ quan chủ trì gửi Sở Công Thương 01 (một) bản để tổng hợp, theo dõi.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 4. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Sở Công Thương

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành các quy định, chính sách có liên quan đến hoạt động quản lý, phát triển cụm công nghiệp thuộc thẩm quyền; tổ chức thực hiện các chính sách, pháp luật, kế hoạch hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 303/2026/NĐ-CP.

b) Cập nhật cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh vào cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp theo quy định, hướng dẫn của Bộ Công Thương.

2. Sở Tài chính

a) Căn cứ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, mức độ cấp bách và thứ tự ưu tiên đầu tư, chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm các dự án hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư công (đối với các cụm công nghiệp do nhà nước đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật sử dụng nguồn vốn đầu tư công).

b) Cấp, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho doanh nghiệp thứ cấp đầu tư vào cụm công nghiệp theo quy định, đáp ứng yêu cầu về định hướng thu hút đầu tư trong cụm công nghiệp, điều kiện về môi trường, về tiết kiệm diện tích sử dụng đất, về năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

c) Trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước, phân cấp ngân sách và khả năng cân đối ngân sách tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ quản lý cụm công nghiệp thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh theo quy định.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tổ chức thẩm định hồ sơ cho thuê đất, thực hiện ký hợp đồng cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức đầu tư sản xuất, kinh doanh thực hiện dự án trong cụm công nghiệp đối với các cụm công nghiệp được thành lập trước ngày Luật Đất đai năm 2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 có hiệu lực thi hành do đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân cấp xã làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

b) Hướng dẫn, tham mưu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng sản xuất sang mục đích khác để thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

c) Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật; tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh. Hướng dẫn chủ đầu tư lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, hồ sơ đề nghị cấp, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các dự án, cơ sở thuộc phạm vi giải quyết của Sở theo quy định của pháp luật.

4. Sở Xây dựng có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, điều chỉnh quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp; có ý kiến bằng văn bản đối với đồ án quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, điều chỉnh quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp trước khi Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

5. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã các nội dung liên quan đến ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong công tác quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quyền hạn, trách nhiệm

a) Tổ chức thẩm định hồ sơ cho thuê đất, thực hiện ký hợp đồng cho thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp thuê đất để đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp theo quy định tại Quyết định số 55/2026/QĐ-UBND ngày 29/6/2026 của UBND tỉnh về việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Thực hiện quyền hạn, trách nhiệm theo Điều 34 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 17 Điều 1 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP.

7. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định pháp luật, chính sách về cụm công nghiệp theo thẩm quyền.

Điều 5. Xây dựng, điều chỉnh phương hướng phát triển cụm công nghiệp và tích hợp vào quy hoạch tỉnh

1. Xây dựng phương hướng phát triển cụm công nghiệp

a) Nội dung, hồ sơ, trình tự xây dựng phương hướng phát triển cụm công nghiệp và tích hợp vào quy hoạch tỉnh thực hiện theo pháp luật về quy hoạch, Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã đề xuất các cụm công nghiệp dự kiến phát triển trên địa bàn, gửi Sở Công Thương tổng hợp.

2. Điều chỉnh phương hướng phát triển cụm công nghiệp

a) Nội dung, hồ sơ, trình tự điều chỉnh phương hướng phát triển cụm công nghiệp và tích hợp vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh thực hiện theo pháp luật về quy hoạch, Điều 6 và Điều 7 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề xuất điều chỉnh phương hướng phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn, gửi Sở Công Thương.

3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị liên quan xây dựng phương hướng phát triển cụm công nghiệp hoặc báo cáo điều chỉnh phương hướng phát triển cụm công nghiệp; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định; tổ chức thực hiện sau khi phương hướng phát triển cụm công nghiệp được tích hợp vào quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

b) Sở Tài chính xử lý, tích hợp phương hướng phát triển cụm công nghiệp hoặc nội dung điều chỉnh phương hướng phát triển cụm công nghiệp vào quy hoạch tỉnh, điều chỉnh quy hoạch tỉnh; tổ chức lấy ý kiến, hoàn thiện và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo pháp luật về quy hoạch.

c) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị liên quan phối hợp thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 6. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

a) Điều kiện thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP.

b) Hồ sơ đề nghị, trình tự, nội dung thẩm định và nội dung chủ yếu của quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 9, 10, 11, 12 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4, 5, 6 Điều 1 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP.

c) Lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 1 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị

a) Ủy ban nhân dân cấp xã: Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP và thủ tục hành chính được công bố.

b) Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thành lập, mở rộng CCN hợp lệ, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định pháp luật. Trên cơ sở kết quả thẩm định, Sở Công Thương tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

c) Các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp thẩm định hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 7. Điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp

1. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan tham mưu điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

a) Trên cơ sở nội dung đề xuất điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp của Ủy ban nhân dân cấp xã kèm theo hồ sơ của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan rà soát, lấy ý kiến nội dung điều chỉnh, bãi bỏ theo quy định pháp luật về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và các quy định khác có liên quan, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

b) Đối với điều chỉnh chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thì việc đánh giá, lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp, tham gia ý kiến về điều chỉnh, bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

Điều 8. Xử lý thành lập cụm công nghiệp có trong phương hướng phát triển cụm công nghiệp hình thành trước Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg về ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp

1. Việc xử lý thành lập cụm công nghiệp có trong phương hướng phát triển cụm công nghiệp hình thành trước Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg thực hiện theo khoản 4 Điều 35 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi điểm c khoản 18 Điều 1 và khoản 1 Điều 2 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP.

2. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị

a) Căn cứ tình hình thực tế, hiệu quả hoạt động của cụm công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát lại hiện trạng đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hồ sơ pháp lý liên quan của cụm công nghiệp để làm rõ sự cần thiết, phù hợp quy định pháp luật, tính khả thi, báo cáo Sở Công Thương.

b) Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan xem xét, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh biện pháp xử lý, quản lý hiệu quả đối với cụm công nghiệp theo quy định.

Điều 9. Lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp

1. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện theo quy định pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn; tuân thủ phân cấp, phân công trách nhiệm, trình tự thủ tục trong quản lý hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk tại Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND ngày 02/7/2026 của UBND tỉnh.

2. UBND cấp xã được giao quản lý (chủ đầu tư) cụm công nghiệp và nhà đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm tổ chức lập, điều chỉnh quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp phù hợp với Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp đã được phê duyệt. Đồng thời, tuân thủ đúng các quy định tại Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND ngày 02/7/2026 của UBND tỉnh nêu trên.

Điều 10. Lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, chấm dứt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng số 135/2025/QH15, Nghị định số 217/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

2. Chấm dứt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư năm 2025; trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Nghị định số 96/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan. Sau khi chấm dứt

dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, thực hiện công tác quản lý nhà nước về cụm công nghiệp, tiếp tục kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

3. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp chịu trách nhiệm lập, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng; nội dung dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật phù hợp với nội dung Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt. Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư gửi Sở Xây dựng thẩm định trước khi phê duyệt đối với trường hợp thuộc thẩm quyền. Thực hiện thẩm định, kiểm soát và phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt.

b) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và địa phương liên quan thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp *(đối với các trường hợp dự án có công trình ảnh hưởng đến an toàn, lợi ích cộng đồng thuộc danh mục quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19/6/2026)* theo quy định pháp luật về xây dựng và các quy định có liên quan.

c) Sở Công Thương và các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 11. Thực hiện thủ tục về môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

a) Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường đồng thời với quá trình lập báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ đầu tư gửi quyết định phê duyệt đến cơ quan thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi để làm căn cứ thẩm định theo quy định.

b) Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật trong công tác quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường, thực hiện các yêu cầu của giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện yêu cầu về giấy phép môi trường, vận hành công trình xử lý chất thải theo Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15 và các văn bản quy định chi tiết; việc phân định thẩm quyền giải quyết thủ tục thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Trình tự, thủ tục thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và cấp giấy phép môi trường đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định phân định thẩm quyền hiện hành.

4. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị cấp, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật; tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh. Hướng dẫn chủ đầu tư lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, hồ sơ đề nghị cấp, cấp điều chỉnh giấy phép môi trường đối với các dự án, cơ sở thuộc phạm vi giải quyết của Sở theo quy định của pháp luật.

b) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện các thủ tục về môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo thẩm quyền.

Điều 12. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Việc thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Nghị định số 102/2024/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, Nghị định số 226/2025/NĐ-CP; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 về quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành luật đất đai và các văn bản quy định chi tiết, phân cấp thẩm quyền có liên quan.

2. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị

a) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thu hồi đất; chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, quyết định giao đất, cho thuê đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

b) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: Đăng ký nhu cầu sử dụng đất cụm công nghiệp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp để đưa vào Kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp xã, làm cơ sở thu hồi đất, cho thuê đất theo quy định; phối hợp, thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn UBND cấp xã và chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp về công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định pháp luật về đất đai.

d) Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 13. Tiếp nhận và thực hiện các thủ tục đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường đối với các dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh vào cụm công nghiệp

1. Tiếp nhận dự án đầu tư vào cụm công nghiệp

a) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu di dời, đầu tư vào cụm công nghiệp liên hệ với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp để được hướng dẫn về quy hoạch, bố trí ngành nghề; giá thuê đất, nhà xưởng, kho bãi, văn phòng; sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích và thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp; đồng thời thỏa thuận nguyên tắc về vị trí, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê.

b) Trên cơ sở thỏa thuận, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có văn bản xác nhận sự phù hợp của dự án với ngành nghề, quy hoạch, quỹ đất và khả năng đáp ứng hạ tầng để nhà đầu tư thực hiện các thủ tục về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, phòng cháy, chữa cháy và các thủ tục khác theo quy định của pháp luật.

c) Chỉ được phép tiếp nhận dự án đầu tư thứ cấp vào cụm công nghiệp khi dự án đầu tư phù hợp với ngành, nghề được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Việc tiếp nhận dự án mới, dự án mở rộng quy mô, nâng công suất thực hiện theo Điều 52 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Điều 48 và Điều 49 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP. Việc cho thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong cụm công nghiệp cho tổ chức phải đáp ứng các nguyên tắc, điều kiện và yêu cầu quy định tại Điều 29, Điều 35 và Điều 36 Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và khoản 11 Điều 1 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP; đồng thời, tuân thủ pháp luật về đất đai và các quy định pháp luật có liên quan.

d) Sau khi dự án có quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc tài liệu pháp lý tương ứng theo quy định, các bên ký kết hợp đồng thuê lại đất/sử dụng hạ tầng; chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thông báo việc tiếp nhận chính thức cho Sở Công Thương theo dõi.

đ) Các thủ tục hành chính liên quan đến dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp được thực hiện theo cơ chế một cửa theo quy định.

2. Chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có)

a) Trong trường hợp Nhà đầu tư đề xuất thực hiện các dự án sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong cụm công nghiệp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định;

b) Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan khác tham gia góp ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ được giao khi nhận được đề nghị phối hợp của cơ quan chủ trì.

3. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án trong cụm công nghiệp (nếu có)

a) Căn cứ hồ sơ đề xuất của nhà đầu tư và Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có) của dự án, Sở Tài chính chủ trì cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong trường hợp dự án thuộc trường hợp thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

b) Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan khác tham gia góp ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ được giao khi nhận được đề nghị phối hợp của cơ quan chủ trì.

4. Thủ tục môi trường

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn theo thẩm quyền các thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan khác tham gia góp ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ được giao khi nhận được đề nghị phối hợp của cơ quan chủ trì.

5. Thủ tục thuê lại đất

a) Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào cụm công nghiệp thực hiện thủ tục thuê lại đất theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 11 Điều 1 Nghị định số 303/2026/NĐ-CP.

b) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp là doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh có trách nhiệm cung cấp thông tin về giá thuê đất, nhà xưởng, kho bãi, văn phòng và ký hợp đồng cho thuê đất với nhà đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn nhà đầu tư sản xuất, kinh doanh thực hiện thủ tục thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai tại các cụm công nghiệp không do doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc tổ chức thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh làm chủ đầu tư.

d) Các sở, ban, ngành và các đơn vị có liên quan khác tham gia góp ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ được giao khi nhận được đề nghị phối hợp của cơ quan chủ trì.

6. Thu hồi đất

Việc thu hồi đất đối với dự án sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp do vi phạm pháp luật về đất đai thực hiện theo pháp luật về đất đai. Ủy ban nhân dân cấp xã, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các cơ quan liên quan rà soát, báo cáo hoặc xử lý theo đúng thẩm quyền; việc chấm dứt hợp đồng thuê lại đất và bàn giao mặt bằng thực hiện theo hợp đồng và pháp luật có liên quan.

7. Cấp giấy phép xây dựng

a) Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp giấy phép xây dựng đối với các dự án, công trình theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cấp giấy phép xây dựng theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

8. Lập, thẩm duyệt thiết kế, nghiệm thu công trình phòng cháy chữa cháy trong cụm công nghiệp thực hiện theo quy định pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

9. Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp/ đơn vị được giao quản lý cụm công nghiệp.

a) Đầu tư xây dựng, đảm bảo tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (bao gồm các công trình hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định).

b) Xây dựng Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp trước khi tiếp nhận dự án thứ cấp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

c) Tiếp nhận, quản lý, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, duy tu bảo dưỡng, đảm bảo hoạt động thường xuyên của hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật chung và tổ chức cung cấp các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

d) Phân khu chức năng các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải tuân thủ các chỉ tiêu kiến trúc quy hoạch và các chỉ tiêu môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng và môi trường.

đ) Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

e) Có trách nhiệm ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư.

g) Đầu tư, quản lý hệ thống giám sát an ninh, an toàn theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

h) Chịu trách nhiệm thỏa thuận với chủ đầu tư các dự án sản xuất, kinh doanh hiện hữu trong cụm công nghiệp về việc thực hiện đấu nối sử dụng hạ tầng cụm công nghiệp, trả chi phí sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ công cộng và các dịch vụ khác tương ứng với mức độ sử dụng theo thỏa thuận giữa hai bên, phù hợp với Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích và quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

i) Thực hiện nhiệm vụ khác do cơ quan có thẩm quyền giao và theo quy định của pháp luật.

10. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp

a) Thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý về đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ theo quy định.

b) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh, đầu tư, tài chính, kế toán, kiểm toán, thống kê, bảo hiểm, lao động, quy định về an toàn công nghiệp, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự và quy định về điều kiện kinh doanh khác.

c) Ký và thực hiện biên bản, hợp đồng thỏa thuận với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp về đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp.

Điều 14. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Đối với cụm công nghiệp được đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật từ nguồn vốn ngân sách

a) Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo đơn vị được giao quản lý, vận hành, khai thác cụm công nghiệp xây dựng, tổ chức thực hiện quy định về cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp; hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh tiếp cận, sử dụng dịch vụ theo quy định.

b) Đơn vị được giao quản lý, vận hành, khai thác cụm công nghiệp tổ chức cung cấp các dịch vụ công cộng, tiện ích và xác định giá sử dụng dịch vụ theo quy định của pháp luật. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi Nhà nước định giá hoặc thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về giá thì thực hiện theo pháp luật về giá và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về phân công nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá.

c) Đối tượng được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp lập đề án khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Đối với cụm công nghiệp do doanh nghiệp, hợp tác xã làm chủ đầu tư

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp xây dựng Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích; tổ chức cung cấp dịch vụ trong cụm công nghiệp theo quy định.

b) Giá sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp được xác định trên nguyên tắc thỏa thuận thông qua hợp đồng giữa tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ và chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi Nhà nước định giá hoặc thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về giá thì thực hiện theo pháp luật về giá.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận, xử lý hoặc phối hợp với cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật đối với khiếu nại, kiến nghị của nhà đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp liên quan đến việc cung cấp, quản lý và sử dụng dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp.

d) Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp sử dụng các công trình hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ công cộng, tiện ích đúng mục đích, thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

Điều 15. Quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh và công tác thông tin báo cáo

1. Nội dung quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh

a) Đối với dự án đầu tư trong cụm công nghiệp: Sản lượng sản phẩm, doanh thu của dự án, số nộp ngân sách nhà nước của dự án, lao động đang làm việc thường xuyên tại dự án, thu nhập bình quân của người lao động tại dự án.

b) Đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp: Tiến độ đầu tư hạ tầng, vốn thực hiện, kết quả đầu tư của dự án, kết quả thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp, nộp ngân sách, kết quả thụ hưởng các ưu đãi, hỗ trợ của nhà nước, lao động, bảo vệ môi trường và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.

2. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị

a) Sở Công Thương: Theo dõi chung về tình hình hoạt động của các cụm công nghiệp; cập nhật cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp; làm đầu mối tiếp nhận, tổng hợp, xây dựng báo cáo định kỳ, hằng năm và đột xuất gửi Bộ Công Thương, Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Nội vụ, Khoa học và Công nghệ và Công an tỉnh thực hiện công tác quản lý chuyên ngành theo chức năng, nhiệm vụ quản lý; phối hợp cung cấp, trao đổi thông tin về lĩnh vực do đơn vị mình quản lý để phục vụ cho công tác quản lý, phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi tình hình hoạt động của cụm công nghiệp trên địa bàn; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xử lý việc thực hiện chế độ, chính sách đối với người lao động và các lĩnh vực khác theo chức năng, nhiệm vụ được giao; tổng hợp và báo cáo định kỳ tình hình hoạt động của cụm công nghiệp theo Điều 3 Thông tư số 14/2024/TT-BCT quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của UBND tỉnh, Sở Công Thương.

d) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp thực hiện trách nhiệm về bảo vệ môi trường, phòng cháy và chữa cháy, an ninh, trật tự theo quy định; cung cấp thông tin, báo cáo định kỳ theo Điều 3 Thông tư số 14/2024/TT-BCT.

Điều 16. Công tác kiểm tra chuyên ngành

1. Nội dung kiểm tra

a) Kiểm tra đối với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và tổ chức, cá nhân hoạt động trong cụm công nghiệp việc chấp hành pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và các quy định khác về cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

b) Kiểm tra việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được hỗ trợ phục vụ phát triển cụm công nghiệp đúng theo quy định.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kiểm tra chuyên ngành đối với tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp theo kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; việc kiểm tra không quá một lần/năm đối với cùng một tổ chức, cá nhân, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

b) Hằng năm, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã lập kế hoạch và tổ chức kiểm tra việc triển khai công tác đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, thu hút đầu tư các dự án thứ cấp vào cụm công nghiệp của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; xử lý vi phạm theo thẩm quyền quy định và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý vi phạm theo quy định đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp hoạt động kém hiệu quả, không triển khai hoặc triển khai chậm tiến độ, xin gia hạn nhiều lần, vi phạm pháp luật (nếu có).

c) Cơ quan có thẩm quyền kiểm tra phối hợp với Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã và chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện công tác phòng ngừa, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong cụm công nghiệp.

d) Khi phát hiện tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc xảy ra sự cố về môi trường, lao động, y tế, cháy nổ, cơ quan quản lý chuyên ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, kịp thời kiểm tra đột xuất hoặc phối hợp với cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xử lý theo quy định của pháp luật. Cơ quan chủ trì kiểm tra thông báo kết quả cho Sở Công Thương và các cơ quan liên quan để phối hợp theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kết luận, yêu cầu xử lý. Trường hợp phát hiện vụ việc vượt thẩm quyền xử lý, cơ quan phát hiện báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc chuyển thông tin, hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật; việc thanh tra được xem xét, quyết định theo pháp luật về thanh tra.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Công Thương là cơ quan đầu mối tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; theo dõi chung về tình hình hoạt động, quản lý của các cụm công nghiệp; tổng hợp thông tin từ các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, đơn vị có liên quan đến hoạt động của các cụm công nghiệp; xử lý theo thẩm quyền và báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, xử lý những vấn đề phát sinh, tồn tại của các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh theo quy định; triển khai, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ hàng năm tổng hợp, đánh giá, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện theo các quy định của Quy chế này và chủ động thực hiện những nhiệm vụ khác có liên quan đến quản lý, phát triển cụm công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Khi các văn bản được viện dẫn tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh mới, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân liên quan phản ánh kịp thời về Sở Công Thương để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung./.